

## SEMINAR TRAO ĐỔI HỌC THUẬT

# KIỂM ĐỊNH VỀ SỨC MẠNH THỊ TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH PHÚC LỢI TRONG NGÀNH CÁ CATFISH TẠI MỸ

Người trình bày: **TS. Nguyễn Văn Giáp**<sup>1</sup>

Ngày: 20/03/2014

## TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Catfish, hay còn gọi là cá nheo Mỹ, là hàng hóa cạnh tranh trực tiếp với cá tra Việt Nam. Đây là một trong những lý do thu hút sự quan tâm nghiên cứu của tác giả đối với thị trường catfish Mỹ - TS. Nguyễn Văn Giáp chia sẻ với khách mời khi mở đầu buổi trình bày. TS. Giáp cũng cung cấp những thông tin quan trọng về bối cảnh nghiên cứu cấu trúc thị trường ngành cá catfish Mỹ. TS. Giáp cho biết đây là ngành thủy sản lớn nhất, đóng góp quan trọng cho nền kinh tế nước Mỹ. Sau một giai đoạn dài tăng trưởng liên tục, từ năm 2003 trở lại đây, ngành này đã có sự sụt giảm mạnh về diện tích nuôi trồng, sản lượng và doanh thu. Nguyên nhân thường được cho là sự tăng cao của giá đầu vào (thức ăn, nhiên liệu) và áp lực cạnh tranh từ nguồn nhập khẩu các loại cá da trơn. TS. Giáp cho rằng, ngoài 2 lý do kể trên, đặc điểm cấu trúc thị trường cũng có thể là nguyên nhân thứ ba dẫn đến sự suy giảm khả năng cạnh tranh của các nông trại catfish Mỹ. Lý giải cho lập luận này, TS. Giáp giải thích ở Mỹ có rất ít nhà máy chế biến cá catfish trong khi lại có số lượng lớn các nông trại nuôi loại cá này. Thêm vào đó, catfish chỉ sống được trong khoảng 30 – 60 phút sau khi đưa lên khỏi mặt nước để vận chuyển đến nơi tiêu thụ. Vì vậy, nông dân gần như không có cơ hội lựa chọn người mua cá. Các nhà máy chế biến nhờ đó có thể có quyền lực định giá thu mua từ nông dân theo hướng có lợi cho mình. Do đó, nghiên cứu được tiến hành

---

<sup>1</sup> Đại diện Cơ sở phía Nam - Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn

nhằm kiểm định sự tồn tại của sức mạnh thị trường trong ngành cá catfish Mỹ - một vấn đề đang còn những kết luận trái chiều từ các nhà nghiên cứu.

Khi nghiên cứu ngành cá catfish Mỹ, TS. Giáp phân chia ngành này thành 3 thị trường: (i) *thị trường nông trại* thể hiện quan hệ giữa cung cá tươi từ nông trại và cầu cá tươi của các nhà máy chế biến, thông qua mức giá nông trại; (ii) *thị trường chế biến* là nơi tương tác cung – cầu cá thành phẩm giữa các nhà máy chế biến và các nhà buôn sỉ, hình thành giá bán sỉ; (iii) *thị trường bán lẻ* với bên cung là các nhà buôn sỉ và bên cầu là những người mua lẻ, giao dịch qua giá bán lẻ. Theo đó, các nhà máy chế biến có vai trò là người mua trên thị trường nông trại, đồng thời là người bán trong thị trường chế biến. Để kiểm định sự tồn tại sức mạnh độc quyền nhóm mua và độc quyền nhóm bán của các nhà máy chế biến, TS. Giáp đã xây dựng mô hình liên kết giữa cung của thị trường nông trại với cầu của thị trường chế biến, nhằm xem xét quan hệ giữa giá nông trại và giá bán sỉ. Mô hình ước lượng là một hệ 3 phương trình: (1) Hàm cung cá tươi từ nông trại; (2) Hàm cầu cá thành phẩm của các nhà buôn sỉ; (3) Phương trình tương quan giữa giá nông trại và giá bán sỉ. Từ phương trình (3), tác giả sẽ ước lượng được *biến phỏng đoán độ co giãn ngành* (ký hiệu:  $\Theta$ ). Đây là bình quân có trọng số độ co giãn của sản lượng toàn ngành (tổng sản lượng catfish thành phẩm) theo sản lượng chế biến của mỗi nhà máy. Biến  $\Theta$  có độ lớn dao động từ 0 đến 1, cho biết khả năng tồn tại sức mạnh thị trường của các nhà máy chế biến. Nếu  $\Theta = 0$ , thị trường nông trại và thị trường chế biến là các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, nhà máy chế biến không có sức mạnh thị trường. Nếu  $\Theta = 1$ , các nhà máy chế biến có vai trò độc quyền mua và độc quyền bán hoàn toàn. Nếu  $0 < \Theta < 1$ , thị trường tồn tại sức mạnh độc quyền nhóm mua và độc quyền nhóm bán của các nhà máy chế biến. Hai giả định chính của mô hình này là: (i) thị phần của mỗi nhà máy trên thị trường nông trại và thị trường chế biến là như nhau; (ii) các nhà máy có cùng công nghệ với lợi thế kinh tế không đổi theo quy mô, và do đó, chi phí biên của các nhà máy là như nhau.

Mô hình trên được tác giả ước lượng bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất phi tuyến 3 giai đoạn (N3SLS), sử dụng bộ dữ liệu theo tháng<sup>2</sup> trải dài trong 20 năm, từ tháng 1/1988 đến tháng

---

<sup>2</sup> Trừ biến GDP (tổng sản phẩm quốc nội) và POP (dân số) chỉ có số liệu hàng quý, hàng năm, không có số liệu hàng tháng như các biến còn lại.

12/2008. Ước lượng cho thấy biến phỏng đoán độ co giãn ngành giảm thấp nhất khi số lượng nhà máy chế biến tăng cao nhất. Kết quả thực nghiệm của mô hình phù hợp với lý thuyết độc quyền nhóm, thể hiện qua ước lượng biến phỏng đoán độ co giãn ngành là 0,07 ( $0 < \Theta < 1$ ), có ý nghĩa thống kê. Từ đó, tác giả tính được chỉ số sức mạnh độc quyền nhóm bán của các nhà máy chế biến catfish Mỹ là 0,14, và chỉ số sức mạnh độc quyền nhóm mua là 0,6. Như vậy, các nhà máy chế biến có quyền lực thị trường đối với cả người bán (nông trại) và người mua (nhà buôn sỉ), trong đó quyền lực thị trường áp lên người bán mạnh hơn ( $0,6 > 0,14$ ). Nhờ đó, họ có thể trả giá mua thấp hơn (so với giá thị trường cạnh tranh) cho các nông trại và bán thành phẩm với giá cao hơn cho các nhà buôn sỉ. Điều này gây ra tổn thất không chỉ riêng đối với các nông trại hay các nhà buôn sỉ mà còn dẫn đến tổn thất phúc lợi của toàn ngành cá catfish Mỹ. Nghiên cứu cũng gợi ý rằng, nếu các nông trại và nhà buôn sỉ có thể phản ứng linh hoạt hơn trên thị trường thì sẽ hạn chế được sự lạm dụng quyền lực thị trường của các nhà máy chế biến.

## THẢO LUẬN

Mở đầu phần thảo luận, một khách mời góp ý về việc chọn biến đại diện cho hàng hóa thay thế cá catfish trong mô hình ước lượng. Khách mời cho rằng, nếu dùng biến “meat” (thịt) thì cũng nên đưa biến “các loại cá khác” vào mô hình vì đó là hàng hóa thay thế gần gũi với cá catfish. TS. Giáp ghi nhận đây có thể là một biến phù hợp để xem xét thêm vào mô hình mà trước đó tác giả chưa nghĩ tới. Một khách mời khác tuy hoàn toàn bị thuyết phục bởi kết quả nghiên cứu nhưng vẫn đặt ra thắc mắc về cảm nhận của chính tác giả đối với độ tin cậy của kết quả này. TS Giáp nhận định đây là kết quả khá tin cậy vì dựa trên lý thuyết cơ bản của kinh tế học vi mô, đồng thời tác giả đã nắm tương đối rõ về ngành này trước khi nghiên cứu. Tuy nhiên, mô hình nghiên cứu có điểm yếu là bao gồm hệ 3 phương trình ràng buộc nhau nên khá nhạy với sự thay đổi của các biến. Trong đó, có những biến ngắn hạn thay đổi rất nhanh và một số biến<sup>3</sup> cố định trong một khoảng thời gian nên có thể có những sai số do tác động của các biến ngắn hạn. Vì vậy, nếu có số liệu đầy đủ và kỹ thuật tốt hơn thì kết quả sẽ đảm bảo chính xác hơn.

Với mong muốn ứng dụng hướng nghiên cứu cấu trúc thị trường và phân tích phúc lợi cho các thị trường nông sản của Việt Nam, một khách mời đặt câu hỏi rằng: Trong điều kiện hạn chế về

---

<sup>3</sup> Biến GDP và POP.

số liệu của Việt Nam, có cách nào đi đến kết quả tương tự như nghiên cứu nhưng không sử dụng phương pháp định lượng hay không? TS Giáp cho biết có một số cách tiếp cận đơn giản hơn để xác định có tồn tại sức mạnh thị trường hay không tuy nhiên chỉ phương pháp này mới đo lường được cụ thể mức độ của sức mạnh thị trường và các tác động, tổn thất do sức mạnh thị trường gây ra. Bản thân TS Giáp cũng muốn thực hiện nghiên cứu tương tự đối với một số mặt hàng nông sản Việt Nam như gạo hay các sản phẩm chăn nuôi. Tuy nhiên, do hạn chế của cơ sở dữ liệu, các nghiên cứu của tác giả dự kiến chỉ có thể triển khai dưới hình thức nghiên cứu tình huống, và thiên về mô tả.

Nói tiếp phần thảo luận, một khách mời đặt ra câu hỏi là tại sao có sự khác biệt đáng kể giữa năng suất cá da trơn ở Việt Nam và ở Mỹ? Theo số liệu mà TS.Giáp cung cấp, năng suất cá da trơn ở Việt Nam lên đến trên 200 tấn/ha, trong khi đó ở Mỹ năng suất này chỉ dừng lại ở 4,7 tấn/ha (trong môi trường nuôi thực tế) và 12 tấn/ha (trong phòng thí nghiệm). Lí giải cho sự khác biệt về năng suất này, TS. Giáp giải thích, một trong những nguyên nhân chính là do cá tra của Việt Nam có khả năng ngoi lên và thở trên mặt nước, còn cá nheo của Mỹ thì không. Điều này giúp cho mật độ nuôi cá của Việt Nam cao hơn, và tạo sản lượng lớn hơn trên mỗi hecta mặt nước. Ngoài ra, nông dân Việt Nam được sử dụng nước mặt miễn phí để cung cấp cho các ao nuôi. Trong khi đó, các nông dân Mỹ phải tốn chi phí khá lớn để chi trả cho việc bơm nước ngầm nuôi cá. Vì vậy, giá cá tra xuất sang Mỹ rất thấp, chỉ khoảng 2 USD/pound. Tuy nhiên, giá bán cá tra Việt Nam đến tay người tiêu dùng Mỹ (khoảng 7USD/pound) không chênh lệch lớn so với cá catfish Mỹ (khoảng 9USD/pound) do phải chịu thuế chống bán phá giá và trải qua các khâu trung gian trước khi được bán lẻ ra thị trường.

Thứ năm, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Thư ký Seminar

Doãn Thị Thanh Thủy